TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **98**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2020
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Bé.

2. Ông Võ Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa*: Bà Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 816/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2019 về việc tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Lê Thị Mỹ D**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp 2, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn*: **Nguyễn Thanh N**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp 2, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(chị D có mặt, anh N có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 14/11/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn **Lê Thị Mỹ D** trình bày*:

Chị và anh N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 10, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 245/KH, quyển số 02/2002 ngày 02/12/2002. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2013, thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hòa hợp về nhiều mặt, anh chị đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Cụ thể, anh N tính tình khó khăn, gia trưởng, thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, về nhà thường xuyên chửi mắng thô tục, xúc phạm danh dự nhân phẩm và đánh đập chị rất tàn nhẫn. Hơn nữa, anh N là người chồng không chung thủy, mặc dù đã có vợ nhưng còn quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác. Chị đã nhịn nhục, chịu đựng, khuyên can anh 06 năm nay, nhưng anh không sửa đổi, không chịu chấm dứt các hành vi sai trái nói trên.

Nhận thấy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Lê Phương H, sinh ngày 28/12/2003 và Nguyễn Lê Việt A, sinh ngày 29/4/2009. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành; yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 1.000.000đồng/tháng/con, bắt đầu thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Sau khi ly hôn, anh N được quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung theo luật định mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn **Nguyễn Thanh N** đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, đến ngày 12/02/2020 anh có đơn xin vắng mặt, trong đơn anh nêu lý do xin vắng là anh không đồng ý ly hôn do còn thương vợ và hai con, anh bận đi làm nên không đến tòa được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị D xin thay đổi yêu cầu liên quan đến mức cấp dưỡng nuôi các con chung, nay chị chỉ yêu cầu anh N cấp dưỡng cho các con chung là 1.000.000đồng/tháng/con; còn các yêu cầu khởi kiện khác chị giữ nguyên.

Bị đơn vắng mặt (có đơn xin vắng mặt ngày 12/02/2020).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định đối với bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở phân tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt bị đơn.

Đối với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị D tại tòa, xét thấy là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Vụ án có quan hệ tranh chấp "Ly hôn".

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ D và anh Nguyễn Thanh N xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân phường 10, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 245/KH, quyển số 02/2002 ngày 02/12/2002.

Tại phiên tòa, chị D trình bày nhiều vấn đề để cho rằng giữa hai vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, dẫn đến rạn nứt tình cảm hơn 06 năm nay, anh N là người chồng khó khăn, gia trưởng, không biết lo lắng cho gia đình, thường nhậu nhẹt về nhà là chửi mắng, đánh đập chị. Hơn nữa trong thời kỳ hôn nhân, anh N có nhiều mối quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, chị đã khuyên nhủ anh nhiều lần nhưng anh không hề biết lỗi và sửa sai. Từ đó, chị quyết định ly thân với anh N từ năm 2014 và một mình nuôi dưỡng hai con chung cho đến nay. Do không thể giải quyết mâu thuẫn giữa vợ chồng, tại tòa chị D vẫn kiên quyết xin được ly hôn với anh N. Phía anh N cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị D, thể hiện

qua việc anh nhiều lần vắng mặt ở các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, đến giai đoạn xét xử sơ thẩm thì vào ngày 12/02/2020, anh N có đơn xin vắng mặt.

Xét lời trình bày của chị D hoàn toàn phù hợp với nội dung biên bản xác minh của Tòa án ngày 17/12/2020. Việc anh N luôn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng mặc dù trong đơn xin vắng mặt ngày 12/02/2020 anh trình bày là còn thương vợ và 02 con nên không muốn ly hôn. Từ đó cho thấy, tình cảm vợ chồng của anh chị đã rạn nứt từ lâu không thể hàn gắn được nữa, đời sống vợ chồng giữa anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không hạnh phúc. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu xin ly hôn anh N của chị D là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Lê Phương H, sinh ngày 28/12/2003 và Nguyễn Lê Việt A, sinh ngày 29/4/2009. Xét từ khi anh chị ly thân, 02 con chung được chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc (bút lục 21). Hai con chung cũng có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn (bút lục 22 - 24). Chị D có công việc và thu nhập ổn định (bút lục 20). Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về mọi mặt cũng như phù hợp với nguyện vọng của các con chung, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định tiếp tục giao 02 con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và mức cấp dưỡng mà chị D yêu cầu là hoàn toàn phù hợp; do đó buộc anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung số tiền 1.000.000đồng/tháng/con, bắt đầu thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Sau khi ly hôn, anh N có quyền cũng như có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại Khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung: Chị D trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị D trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên

được chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh N phải chịu án phí theo quy định tại điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 244, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Khoản 2 Điều 81, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Mỹ D.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh N.

- Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung Nguyễn Lê Phương H, sinh ngày 28/12/2003 và Nguyễn Lê Việt A, sinh ngày 29/4/2009 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh N phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền 1.000.000đồng/tháng/con, bắt đầu thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

2/ Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 01629 ngày 12/01/2019 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị D đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh N phải chị 300.000đồng án phí cấp dưỡng.

3/ Quyền kháng cáo: Chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND phường 10, Q.Tân Bình, Tp. HCM;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

HUỲNH THỊ TRÚC MAI